

**Phụ lục I**  
**NỘI DUNG VÀ MỨC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC**  
**CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC**  
**QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/2026/QĐ-UBND

Ngày 11/9/2026 của UBND tỉnh)

| STT      | Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra                                                                                                                          | Đơn vị tính | Mức kiểm tra (%) |            | Kết quả kiểm tra       |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|------------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                       |             | Đơn vị thực hiện | Chủ đầu tư |                        |
| (1)      | (2)                                                                                                                                                                   | (3)         | (4)              | (5)        | (6)                    |
| <b>I</b> | <b>Xây dựng lưới địa chính</b>                                                                                                                                        |             |                  |            |                        |
| <b>1</b> | <b>Chọn điểm, đục mốc, chôn mốc, xây tường vây, lập ghi chú điểm</b>                                                                                                  |             |                  |            |                        |
|          | - Chọn điểm, vị trí so với thiết kế, tầm thông suốt tới các điểm liên quan, thông hướng khi đo:                                                                       |             |                  |            |                        |
|          | + Theo đồ giải trên bản đồ                                                                                                                                            | Điểm        | 100              | 30         | Phiếu YKKT             |
|          | + Thực địa                                                                                                                                                            | Điểm        | 100              | 5          | Phiếu YKKT             |
|          | - Biên bản thỏa thuận sử dụng đất để xây dựng điểm địa chính/thông báo về việc xây dựng điểm địa chính trên đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất được giao quản lý | Biên bản    | 100              | 50         | Phiếu YKKT             |
|          | - Đục mốc: Chất lượng và quy cách                                                                                                                                     | Mốc         | 100              | 5          | Phiếu YKKT             |
|          | - Chôn mốc, xây tường vây: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc, quy cách xây tường vây                                                                           | Mốc         | 100              | 5          | Phiếu YKKT             |
|          | - Giấy ghi chú điểm và các tài liệu liên quan:                                                                                                                        |             |                  |            |                        |
|          | + Nội dung, hình thức ghi chú điểm và biên bản bàn giao mốc                                                                                                           | Mốc         | 100              | 30         | Phiếu YKKT             |
|          | + Kiểm tra ngoài thực địa                                                                                                                                             | Mốc         | 100              | 5          | Phiếu YKKT             |
|          | - Biên bản bàn giao mốc                                                                                                                                               | Biên bản    | 100              | 50         | Phiếu YKKT             |
| <b>2</b> | <b>Đo ngắm</b>                                                                                                                                                        |             |                  |            |                        |
|          | - Tài liệu kiểm định máy và các thiết bị kỹ thuật có liên quan                                                                                                        | Tài liệu    | 100              | 100        | Phiếu YKKT             |
|          | - Sơ đồ, đồ hình đo nối, tuyến đo so với thiết kế                                                                                                                     | Sơ đồ       | 100              | 100        | Phiếu YKKT             |
|          | - Sổ nhật ký trạm đo, sổ đo và các tài liệu liên quan                                                                                                                 | Quyển       | 100              | 20         | Phiếu YKKT             |
|          | - Đo kiểm tra thực địa                                                                                                                                                | Điểm        | 100              | 2          | Kết quả đo, Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tính toán khái lược và đánh giá độ chính xác kết quả đo                                                                                                     | Điểm        | 100              | 20         | Phiếu YKKT             |
| <b>3</b> | <b>Tính toán, bình sai</b>                                                                                                                                            |             |                  |            |                        |
|          | - Sơ đồ tính toán, bình sai, tệp tin số liệu và kết quả bình sai                                                                                                      | Điểm        | 100              | 100        | Phiếu YKKT             |

|           |                                                                                                                               |           |     |     |            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|------------|
|           | - Sai số khép tọa độ                                                                                                          | Điểm      | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Sai số khép độ cao                                                                                                          | Đường     | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, bảng thành quả, các loại tài liệu liên quan                             | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>  | <b>Tính đồng bộ, hợp lý</b>                                                                                                   |           |     |     |            |
|           | - Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lý, logic của các tài liệu, thành quả                                                            | Điểm      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
| <b>II</b> | <b>Đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ ảnh chụp máy bay</b>                                                         |           |     |     |            |
| <b>1</b>  | <b>Không chế ảnh mặt phẳng và độ cao ngoài trời</b>                                                                           |           |     |     |            |
|           | - Chọn chính điểm không chế ảnh:                                                                                              |           |     |     |            |
|           | + Sơ đồ vị trí điểm                                                                                                           | Điểm      | 100 | 50  | Phiếu YKKT |
|           | + Vị trí các điểm không chế ảnh tại thực địa so với trên ảnh                                                                  | Điểm      | 100 | 5   | Phiếu YKKT |
|           | - Tu chỉnh các điểm không chế trên mặt trái, mặt phải của ảnh                                                                 | Điểm      | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>  | <b>Điều vẽ ảnh</b>                                                                                                            |           |     |     |            |
|           | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                      | Bản mô tả | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Tu chỉnh ảnh điều vẽ                                                                                                        | Ảnh       | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Tiếp biên                                                                                                                   | Ảnh       | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Tính đầy đủ, chính xác biểu thị các nội dung bằng quan sát lập thể                                                          | Ảnh       | 100 | 3   | Phiếu YKKT |
|           | - Sử dụng các ký hiệu                                                                                                         | Ảnh       | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Điều vẽ thực địa                                                                                                            | Ảnh       | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
|           | - Đo vẽ bù:                                                                                                                   |           |     |     |            |
|           | Tài liệu đo vẽ, cách biểu thị                                                                                                 | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>  | <b>Tăng dày không chế ảnh nội nghiệp</b>                                                                                      |           |     |     |            |
|           | - Sơ đồ thiết kế khối tính                                                                                                    | Sơ đồ     | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|           | - Định hướng                                                                                                                  | Mô hình   | 100 | 3   | Phiếu YKKT |
|           | - Chọn chính và đo điểm                                                                                                       | Mô hình   | 100 | 3   | Phiếu YKKT |
|           | - Kết quả tính toán, bình sai khối                                                                                            | Khối      | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|           | - Tiếp biên giữa các khối, tiếp biên với khu đo lân cận                                                                       | Khối      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>  | <b>Đo vẽ nội dung bản đồ ở nội nghiệp</b>                                                                                     |           |     |     |            |
|           | - Độ chính xác định hướng mô hình                                                                                             | Mô hình   | 100 | 3   | Phiếu YKKT |
|           | - Độ chính xác vẽ thửa đất, địa vật:                                                                                          |           |     |     |            |
|           | + Bảng mặt thường                                                                                                             | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
|           | + Đo trực tiếp bằng máy (xác định vị trí, độ cao một số điểm để so sánh đối chiếu với ghi chú và vị trí thể hiện trên bản đồ) | Mảnh      | 100 | 3   | Phiếu YKKT |
|           | - Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu                                                                                   | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Tiếp biên                                                                                                                   | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Tính diện tích                                                                                                              | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất                                                                           | Thửa      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Sổ mục kê đất đai                                                                                                           | Quyển     | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|           | - Kiểm tra thực địa:                                                                                                          |           |     |     | Phiếu YKKT |
|           | + Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ                        | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
|           | + Kiểm tra kích thước cạnh và vị trí điểm đỉnh                                                                                | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |

|            |                                                                                                                                                              |             |     |    |                        |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----|----|------------------------|
|            | thửa đất                                                                                                                                                     |             |     |    |                        |
|            | - Bảng tổng hợp các loại                                                                                                                                     | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính                                                                                                               | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
| <b>III</b> | <b>Đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc, đo bằng công nghệ GNSS</b>                                                                              |             |     |    |                        |
|            | - Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị                                                                                                                        | Tài liệu    | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Lưới đo vẽ                                                                                                                                                 |             |     |    |                        |
|            | + Sơ đồ lưới                                                                                                                                                 | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | + Sổ đo các loại                                                                                                                                             | Sổ          | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | + Tài liệu tính toán các loại                                                                                                                                | Tài liệu    | 100 | 10 | Phiếu YKKT             |
|            | + Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác                                                                                                                  | Điểm, tuyến | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | + Đo kiểm tra thực địa                                                                                                                                       | Điểm, tuyến | 100 | 5  | Kết quả đo, Phiếu YKKT |
|            | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                     | Bản mô tả   | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính                                                                                                             | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | - Kiểm tra thực địa:                                                                                                                                         |             |     |    |                        |
|            | + Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ                                                       | Mảnh        | 100 | 10 | Phiếu YKKT             |
|            | + Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa | Mảnh        | 100 | 10 | Phiếu YKKT             |
|            | - Cơ sở toán học bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Kiểm tra tỷ lệ đo vẽ bản đồ so với thiết kế                                                                                                                | Mảnh        | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | - Trình bày trong, ngoài khung bản đồ                                                                                                                        | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)                                                                           | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Tiếp biên                                                                                                                                                  | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Tính diện tích, tổng hợp diện tích                                                                                                                         | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu                                                                                                               | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất                                                                                                          | Thửa        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính                                                                                                               | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | - Bảng tổng hợp các loại                                                                                                                                     | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |
|            | - Sổ mục kê đất đai                                                                                                                                          | Quyển       | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
| <b>IV</b>  | <b>Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính</b>                                                                                                                     |             |     |    |                        |
| <b>1</b>   | <b>Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính tập trung</b>                                                                                                            |             |     |    |                        |
|            | - Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị                                                                                                                        | Tài liệu    | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | - Lưới đo vẽ (nếu có)                                                                                                                                        |             |     |    |                        |
|            | + Sơ đồ lưới                                                                                                                                                 | Tài liệu    | 100 | 50 | Phiếu YKKT             |
|            | + Sổ đo các loại                                                                                                                                             | Sổ          | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | + Tài liệu tính toán các loại                                                                                                                                | Tài liệu    | 100 | 10 | Phiếu YKKT             |
|            | + Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác                                                                                                                  | Điểm, tuyến | 100 | 20 | Phiếu YKKT             |
|            | + Đo kiểm tra thực địa                                                                                                                                       | Điểm, tuyến | 100 | 5  | Phiếu YKKT             |
|            | - Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính                                                                                               | Tài liệu    | 100 | 30 | Phiếu YKKT             |

|          |                                                                                                                                                                  |           |     |     |            |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|------------|
|          | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                         | Bản mô tả | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Cơ sở toán học bản đồ                                                                                                                                          | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)                                                                               | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Tiếp biên                                                                                                                                                      | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Tính diện tích                                                                                                                                                 | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu                                                                                                                   | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất                                                                                                                                 | Thửa      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Kiểm tra thực địa:                                                                                                                                             |           |     |     |            |
|          | + Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ                                                           | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
|          | + Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa     | Mảnh      | 100 | 10  | Phiếu YKKT |
|          | - Bổ sung số mục kê                                                                                                                                              | Số        | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|          | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                          | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
| <b>2</b> | <b>Đo đạc chỉnh lý thửa đất đơn lẻ không tập trung; đo đạc chỉnh lý ít thửa đất trên 2 mảnh bản đồ địa chính trở lên</b>                                         |           |     |     |            |
|          | - Kiểm tra ngoại nghiệp:                                                                                                                                         |           |     |     |            |
|          | + Đối soát hình thể, loại đất                                                                                                                                    | Thửa      | 100 | 30  | Phiếu YKKT |
|          | + Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại ngoại nghiệp | Thửa      | 100 | 20  | Phiếu YKKT |
|          | - Kiểm tra Nội nghiệp                                                                                                                                            |           |     |     |            |
|          | + Giấy phép hoạt động đo đạc                                                                                                                                     | Tài liệu  | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị                                                                                                                            | Tài liệu  | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                         | Bản mô tả | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu                                                                                                                      | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Tính diện tích                                                                                                                                                 | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất                                                                                                                                 | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Bổ sung số mục kê                                                                                                                                              | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Tiếp biên bản đồ                                                                                                                                               | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Lưới đo vẽ, số đo (trong trường hợp sử dụng phương pháp đo đạc bằng máy toàn đạc điện tử)                                                                      | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | + Bản vẽ tách thửa đất (trong trường hợp đo đạc tách thửa đất)                                                                                                   |           |     |     |            |
| <b>V</b> | <b>Trích đo bản đồ địa chính</b>                                                                                                                                 |           |     |     |            |
| <b>1</b> | <b>Trích đo bản đồ địa chính thửa đất</b>                                                                                                                        |           |     |     |            |
|          | - Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị                                                                                                                            | Tài liệu  | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Sổ đo các loại                                                                                                                                                 | Số        | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Tài liệu tính toán các loại                                                                                                                                    | Tài liệu  | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                         | Bản mô tả | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất                                                                                                              | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Tính diện tích                                                                                                                                                 | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |
|          | - Hình thể, kích thước, loại đất thửa đất ngoài thực địa                                                                                                         | Thửa      | 100 | 100 | Phiếu YKKT |

|             |                                                                                                                                                              |             |     |     |                        |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----|-----|------------------------|
|             | - Bản số, bản vẽ trên giấy                                                                                                                                   | Bản vẽ      | 100 | 100 | Phiếu YKKT             |
| <b>2</b>    | <b>Trích đo bản đồ địa chính cụm các thửa đất (khu đất)</b>                                                                                                  |             |     |     |                        |
|             | - Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị                                                                                                                        | Tài liệu    | 100 | 100 | Phiếu YKKT             |
|             | - Lưới đo vẽ                                                                                                                                                 |             |     |     |                        |
|             | + Sơ đồ lưới                                                                                                                                                 | Sơ đồ       | 100 | 100 | Phiếu YKKT             |
|             | + Sổ đo các loại                                                                                                                                             | Sổ          | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | + Tài liệu tính toán các loại                                                                                                                                | Tài liệu    | 100 | 10  | Phiếu YKKT             |
|             | + Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác                                                                                                                  | Điểm, tuyến | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | + Đo kiểm tra thực địa                                                                                                                                       | Điểm, tuyến | 100 | 5   | Kết quả đo, Phiếu YKKT |
|             | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                     | Bản mô tả   | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Kiểm tra thực địa:                                                                                                                                         |             |     |     |                        |
|             | + Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ                                                       | Mảnh        | 100 | 10  | Phiếu YKKT             |
|             | + Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa | Mảnh        | 100 | 10  | Phiếu YKKT             |
|             | - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất                                                                                                          | Thửa        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Cơ sở toán học bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)                                                                           | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Trình bày trong, ngoài khung bản đồ                                                                                                                        | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Tiếp biên                                                                                                                                                  | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Tính diện tích, tổng hợp diện tích                                                                                                                         | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu                                                                                                               | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Bảng tổng hợp các loại                                                                                                                                     | Tài liệu    | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|             | - Sổ mục kê đất đai                                                                                                                                          | Quyển       | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
| <b>VI</b>   | <b>Số hóa bản đồ địa chính</b>                                                                                                                               |             |     |     |                        |
|             | - Quét, nắn bản đồ địa chính                                                                                                                                 | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Số hóa nội dung bản đồ địa chính                                                                                                                           | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Tính diện tích                                                                                                                                             | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Đối chiếu, so sánh diện tích giữa bản đồ số và bản đồ tài liệu                                                                                             | Mảnh        | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|             | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                      | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
| <b>VII</b>  | <b>Chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính từ HN-72 sang hệ tọa độ VN-2000</b>                                                                                     |             |     |     |                        |
|             | - Xác định tọa độ nắn chuyển                                                                                                                                 | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Nắn chuyển bản đồ                                                                                                                                          | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Tính diện tích                                                                                                                                             | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|             | - Đối chiếu diện tích, biên tập và in bản đồ                                                                                                                 | Mảnh        | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
| <b>VIII</b> | <b>Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường</b>                                                                      |             |     |     |                        |
| <b>1</b>    | <b>Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp</b>                                                                        |             |     |     |                        |
|             | - Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc                                                                                                                         |             |     |     |                        |

|           |                                                                                                                                                                             |           |     |     |                        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|------------------------|
|           | + Theo đồ giải trên bản đồ                                                                                                                                                  | Km/điểm   | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | + Thực địa                                                                                                                                                                  | Km/điểm   | 100 | 5   | Phiếu YKKT             |
|           | - Đúc mốc: Chất lượng và quy cách                                                                                                                                           | Mốc       | 100 | 5   | Phiếu YKKT             |
|           | - Chôn mốc: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc                                                                                                                        | Mốc       | 100 | 5   | Phiếu YKKT             |
|           | - Sơ đồ vị trí mốc ranh giới:                                                                                                                                               |           |     |     |                        |
|           | + Nội dung, hình thức sơ đồ vị trí mốc ranh giới                                                                                                                            | Mốc       | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | + Kiểm tra ngoài thực địa                                                                                                                                                   | Mốc       | 100 | 5   | Phiếu YKKT             |
|           | - Bảng thống kê tọa độ các điểm mốc ranh giới, điểm đặc trưng                                                                                                               | Tài liệu  | 100 | 50  | Phiếu YKKT             |
|           | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất                                                                                                                                    | Bản mô tả | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|           | - Bản xác nhận đường ranh giới sử dụng đất                                                                                                                                  | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | - Biên bản về các trường hợp tranh chấp chưa giải quyết xong (nếu có)                                                                                                       | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | - Bảng kê diện tích đất của công ty nông, lâm nghiệp lập theo mẫu quy định                                                                                                  | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
| <b>2</b>  | <b>Đo tọa độ, độ cao mốc ranh giới</b>                                                                                                                                      |           |     |     |                        |
|           | - Tài liệu kiểm định máy mốc thiết bị                                                                                                                                       | Tài liệu  | 100 | 100 | Phiếu YKKT             |
|           | - Sơ đồ, đồ hình đo nối so với thiết kế                                                                                                                                     | Sơ đồ     | 100 | 100 | Phiếu YKKT             |
|           | - Sổ đo và các tài liệu liên quan                                                                                                                                           | Quyển     | 100 | 20  | Kết quả đo, Phiếu YKKT |
|           | - Đo kiểm tra thực địa                                                                                                                                                      | Điểm      | 100 | 2   | Kết quả đo, Phiếu YKKT |
|           | - Kết quả tính toán khái lược và đánh giá độ chính xác kết quả đo                                                                                                           | Điểm      | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
| <b>3</b>  | <b>Tính toán, bình sai</b>                                                                                                                                                  |           |     |     |                        |
|           | - Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, bảng thành quả, các loại tài liệu liên quan                                                                           | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
| <b>4</b>  | <b>Bản đồ ranh giới sử dụng đất</b>                                                                                                                                         |           |     |     |                        |
|           | - Cơ sở toán học bản đồ                                                                                                                                                     | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|           | - Trình bày trong, ngoài khung bản đồ                                                                                                                                       | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|           | - Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)                                                                                          | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
|           | - Biên tập và in bản đồ                                                                                                                                                     | Mảnh      | 100 | 20  | Phiếu YKKT             |
| <b>IX</b> | <b>Lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính</b>                   |           |     |     |                        |
| <b>1</b>  | <b>Lồng ghép nội dung đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính với đo đạc lập bản đồ địa chính</b>                                                    |           |     |     |                        |
|           | - Kiểm tra tài liệu thu thập (bản đồ, sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp Giấy chứng nhận)                                                                                      | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | - Kiểm tra danh sách các trường hợp phải kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                      | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
|           | - Kiểm tra tài liệu thu thập về người sử dụng đất, loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) | Tài liệu  | 100 | 30  | Phiếu YKKT             |
| <b>2</b>  | <b>Lồng ghép nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu</b>                                                                                                                            |           |     |     |                        |

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                          |     |    |            |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----|----|------------|
|             | <b>địa chính với đo đạc lập bản đồ địa chính</b>                                                                                                                                                                                                               |                                                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra dữ liệu không gian địa chính                                                                                                                                                                                                                        | Thửa                                                                     | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra dữ liệu phi cấu trúc thửa đất                                                                                                                                                                                                                       | Hồ sơ                                                                    | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra dữ liệu thuộc tính địa chính                                                                                                                                                                                                                        | Thửa                                                                     | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra dữ liệu không gian đất đai nền                                                                                                                                                                                                                      | Đối tượng                                                                | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>X</b>    | <b>Sổ mục kê đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày, ký hiệu loại đất, mã đối tượng sử dụng, quản lý đất                                                                                                                                                                  | Quyền                                                                    | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính                                                                                                                                                                                                                      | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                  | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XI</b>   | <b>Sổ địa chính</b>                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày                                                                                                                                                                                                                       | Thửa                                                                     | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra tính đầy đủ của thửa đất, chủ sử dụng vào sổ                                                                                                                                                                                                        | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với sổ mục kê đất đai                                                                                                                                                                                                                     | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất       | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với hồ sơ đăng ký biến động, bản lưu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và bản đồ địa chính đã chỉnh lý (trong quá trình quản lý biến động)                                                         | Thửa                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XII</b>  | <b>Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>                                                                                                                                                                         |                                                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày                                                                                                                                                                                                                       | Quyền                                                                    | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                      | Giấy                                                                     | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XIII</b> | <b>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>                                                                                                                                                                                |                                                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra hình thức, quy cách viết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                   | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính, đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được duyệt, danh sách, quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|            |                                                                                                                                                                                        | gắn liền<br>với đất |     |    |            |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|----|------------|
| <b>XIV</b> | <b>Kết quả thống kê đất đai</b>                                                                                                                                                        |                     |     |    |            |
|            | - Mức độ đầy đủ của tài liệu, số liệu và tính pháp lý hồ sơ kết quả thống kê                                                                                                           | Biểu                | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|            | - Mức độ đầy đủ, chính xác của kết quả thu thập về các trường hợp biến động đất đai trong Bảng liệt kê các trường hợp biến động ở cấp xã                                               | Biểu                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính chính xác trong việc tổng hợp số liệu trong các biểu thống kê                                                                                                                   | Biểu                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất số liệu giữa các biểu số liệu thống kê của từng cấp; giữa biểu số liệu với báo cáo kết quả thống kê đất đai                                                          | Biểu                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Kiểm tra báo cáo kết quả thống kê đất đai                                                                                                                                            | Báo cáo             | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XV</b>  | <b>Kết quả kiểm kê đất đai</b>                                                                                                                                                         |                     |     |    |            |
|            | - Mức độ đầy đủ và tính pháp lý của hồ sơ kiểm kê đất đai                                                                                                                              | Hồ sơ               | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính chính xác của việc xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng, quản lý                                                                                                           | Tài liệu            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Kiểm tra thực địa tại cấp xã: Tính chính xác của việc xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng, quản lý và việc khoanh vẽ trên bản đồ kết quả điều tra kiểm kê (100% nội dung/mảnh) | Mảnh                | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính chính xác trong việc tổng hợp số liệu trong các biểu                                                                                                                            | Biểu                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất số liệu giữa biểu số liệu cấp xã với bản đồ kết quả điều tra kiểm kê cấp xã                                                                                          | Tài liệu            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất các biểu số liệu kiểm kê của từng cấp                                                                                                                                | Biểu                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất giữa biểu số liệu với bản đồ hiện trạng sử dụng đất của từng cấp                                                                                                     | Tài liệu            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất giữa biểu số liệu với báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất                                                                           | Tài liệu            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Bản đồ kết quả điều tra kiểm kê                                                                                                                                                      | Bản đồ              | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|            | - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất                                                                                                                                                        | Bản đồ              | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|            | - Các báo cáo kết quả kiểm kê đất đai                                                                                                                                                  | Báo cáo             | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XVI</b> | <b>Cơ sở dữ liệu địa chính do địa phương tổ chức xây dựng</b>                                                                                                                          |                     |     |    |            |
| <b>1</b>   | <b>Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu, dữ liệu</b>                                                                                                                               |                     |     |    |            |
|            | - Các tài liệu, dữ liệu thu thập                                                                                                                                                       | Tài liệu            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo thu thập tài liệu, dữ liệu; đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu, dữ liệu; tổng hợp các thửa đất                                                                           | Báo cáo             | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>   | <b>Dữ liệu không gian đất đai nền</b>                                                                                                                                                  |                     |     |    |            |
|            | - Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian đất đai nền                                                                                                                       | Đối tượng           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian đất đai nền                                                                          | Đối tượng           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|             |                                                                                                                                                                     |           |     |    |            |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|----|------------|
|             | - Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền                                                                                                                           | Đối tượng | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>    | <b>Dữ liệu không gian địa chính</b>                                                                                                                                 |           |     |    |            |
|             | - Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian địa chính                                                                                                      | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian địa chính                                                             | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan                                              | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>    | <b>Dữ liệu thuộc tính địa chính</b>                                                                                                                                 |           |     |    |            |
|             | - Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính                                                                                         | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Chuẩn hóa thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính                                                                                                                  | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Tính thống nhất dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian địa chính                                                                                                | Thửa      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra số địa chính điện tử                                                                                                                                     | Thửa      | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b>    | <b>Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính</b>                                                                                                                    |           |     |    |            |
|             | - Kiểm tra chất lượng ảnh quét                                                                                                                                      | Trang     | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             | - Mức độ đầy đủ của giấy tờ pháp lý hồ sơ quét dạng số                                                                                                              | Hồ sơ     | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             | - Hồ sơ quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF                                                                                                                       | Hồ sơ     | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             | - Liên kết bộ hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu địa chính                                                                                         | Hồ sơ     | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b>    | <b>Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu địa chính</b>                                                                                                                     |           |     |    |            |
|             | - Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu địa chính                                                                                                         | Xã        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra tích hợp dữ liệu, ký số vào sổ địa chính điện tử                                                                                                         | Xã        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>7</b>    | <b>Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống</b>                                                                                                                      |           |     |    |            |
|             | - Kiểm tra đối soát thông tin thửa đất, ký số vào sổ địa chính điện tử                                                                                              | Thửa      | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống                                                                                                                | Xã        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>8</b>    | <b>Kiểm tra chuyển đổi cơ sở dữ liệu địa chính (áp dụng khi thực hiện chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng trước ngày 01/8/2024)</b> |           |     |    |            |
|             | - Kiểm tra mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu                                                                                                                      | Mô hình   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu sau khi chuyển đổi                                                                                                             | Thửa      | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>XVII</b> | <b>Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do địa phương tổ chức xây dựng</b>                                                                                       |           |     |    |            |
| <b>1</b>    | <b>Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu</b>                                                                                                                     |           |     |    |            |
|             | - Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu                                                                                                                           | Tài liệu  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu                                                                                                 | Báo cáo   | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>    | <b>Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>                                                                                                                           |           |     |    |            |
|             | - Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian kiểm kê đất đai                                                                                                | Đối tượng | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |     |    |            |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|------------|
|              | - Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian kiểm kê đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                           | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>     | <b>Dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |     |    |            |
|              | - Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>     | <b>Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |     |    |            |
|              | - Kiểm tra chất lượng ảnh quét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trang            | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|              | - Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|              | - Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|              | - Kiểm tra danh mục tra cứu bộ tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai                                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b>     | <b>Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |     |    |            |
|              | - Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b>     | <b>Tích hợp dữ liệu vào hệ thống</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |     |    |            |
|              | - Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XVIII</b> | <b>Cơ sở dữ liệu giá đất do địa phương tổ chức xây dựng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |     |    |            |
| <b>1</b>     | <b>Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |     |    |            |
|              | - Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tài liệu         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Báo cáo          | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>     | <b>Dữ liệu không gian giá đất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |     |    |            |
|              | - Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian giá đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian giá đất                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                           | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>     | <b>Dữ liệu thuộc tính giá đất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |     |    |            |
|              | Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu giá đất theo bảng giá đất; hệ số điều chỉnh giá đất; giá đất cụ thể; giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất chuyển nhượng trên thị trường; dữ liệu về vùng giá trị, dữ liệu về thửa đất chuẩn, vị trí đất theo bảng giá đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất | Thửa             | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|            |                                                                                                                                                                |                  |     |    |            |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|------------|
| <b>4</b>   | <b>Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất</b>                                                                                                                 |                  |     |    |            |
|            | - Kiểm tra chất lượng ảnh quét                                                                                                                                 | Trang            | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số                                                                                                                      | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF                                                                                                            | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Danh mục tra cứu bộ tài liệu giá đất dạng số trong cơ sở dữ liệu giá đất                                                                                     | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b>   | <b>Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu giá đất</b>                                                                                                                  |                  |     |    |            |
|            | - Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu giá đất                                                                                                      | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b>   | <b>Tích hợp dữ liệu vào hệ thống</b>                                                                                                                           |                  |     |    |            |
|            | - Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống                                                                                                           | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XIX</b> | <b>Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất do địa phương tổ chức xây dựng</b>                                                          |                  |     |    |            |
| <b>1</b>   | <b>Thu thập các tài liệu, dữ liệu</b>                                                                                                                          |                  |     |    |            |
|            | - Các tài liệu, dữ liệu thu thập                                                                                                                               | Tài liệu         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>   | <b>Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất</b>                                                                                    |                  |     |    |            |
|            | - Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất                                                     | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất            | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan                                         | Đối tượng        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>   | <b>Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất</b>                                                                                    |                  |     |    |            |
|            | - Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất                                                       | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất                                                           | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>   | <b>Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất</b>                                                                       |                  |     |    |            |
|            | - Kiểm tra chất lượng ảnh quét                                                                                                                                 | Trang            | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số                                                                                                                      | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF                                                                                                            | Tài liệu         | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|            | - Danh mục tra cứu bộ tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất dạng số trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b>   | <b>Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất</b>                                                                        |                  |     |    |            |
|            | - Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất                                                            | Bộ cơ sở dữ liệu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|            |                                                                                                                  |                       |     |    |            |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|----|------------|
| <b>6</b>   | <b>Tích hợp dữ liệu vào hệ thống</b>                                                                             |                       |     |    |            |
|            | - Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống                                                             | Bộ cơ sở dữ liệu      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>XX</b>  | <b>Xây dựng bảng giá đất (theo khu vực, vị trí)</b>                                                              |                       |     |    |            |
| <b>1</b>   | <b>Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất</b>                     |                       |     |    |            |
|            | - Hồ sơ, tài liệu thu thập, tổng hợp từ các nguồn thông tin về giá đất                                           | Báo cáo kèm bảng biểu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Phiếu thu thập thông tin về thửa đất và thông tin giá đất                                                      | Báo cáo kèm bảng biểu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất                                                 | Báo cáo kèm bảng biểu | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>   | <b>Rà soát bảng giá đất hiện hành; tổng hợp thông tin, biến động và kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành</b> |                       |     |    |            |
|            | - Bảng đối chiếu, rà soát bảng giá đất hiện hành theo loại đất, khu vực, vị trí                                  | Báo cáo               | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo kết quả rà soát bảng giá đất hiện hành và các biến động cần cập nhật                                   | Phiếu                 | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Bảng thống kê giá đất hiện hành theo loại đất, khu vực, vị trí                                                 | Bảng thống kê         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Bảng tổng hợp các vị trí, khu vực, loại đất cần xây dựng bảng giá đất                                          | Bảng thống kê         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo kết quả rà soát bảng giá đất hiện hành                                                                 | Báo cáo               | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>   | <b>Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường, đặc khu</b>                                       |                       |     |    |            |
|            | - Kết quả xác định loại đất tại từng xã, phường, đặc khu                                                         | Bảng tổng hợp         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Kết quả xác định khu vực đất tại từng xã, phường, đặc khu                                                      | Bảng tổng hợp         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Kết quả xác định vị trí đất tại từng xã, phường, đặc khu                                                       | Báo cáo               | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>   | <b>Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất tại cấp xã và cấp tỉnh</b>  |                       |     |    |            |
|            | - Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh                                                                                 | Bảng tổng hợp         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Bảng tổng hợp giá đất theo loại đất, khu vực, vị trí tại cấp tỉnh                                              | Bảng tổng hợp         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành                                           | Báo cáo               | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b>   | <b>Xây dựng dự thảo bảng giá đất và dự thảo báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất</b>                        |                       |     |    |            |
|            | - Bảng giá đất                                                                                                   | Bảng giá              | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|            | - Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất                                                                      | Báo cáo               | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XXI</b> | <b>Điều chỉnh bảng giá đất</b>                                                                                   |                       |     |    |            |
| <b>1</b>   | <b>Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và</b>         |                       |     |    |            |

|             |                                                                                                                                                                           |               |     |    |            |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----|----|------------|
|             | <b>sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường, đặc khu</b>                                                                                                      |               |     |    |            |
|             | - Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường, đặc khu                                   | Báo cáo       | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Phiếu thu thập thông tin về thửa đất                                                                                                                                    | Phiếu         | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Bảng thống kê giá đất tại xã, phường, đặc khu                                                                                                                           | Bảng thống kê | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Bảng thống kê giá đất theo loại đất, khu vực, vị trí và các nhóm đất thuộc phạm vi xây dựng bảng giá đất                                                                | Bảng thống kê | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường, đặc khu                                                                                                | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>    | <b>Rà soát bảng giá đất hiện hành và tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất phục vụ điều chỉnh bảng giá đất</b>                                            |               |     |    |            |
|             | - Tại cấp xã                                                                                                                                                              |               |     |    |            |
|             | + Bảng tổng hợp giá đất cấp xã                                                                                                                                            | Bảng tổng hợp | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | + Bảng thống kê giá đất theo loại đất, khu vực, vị trí và các nhóm đất thuộc phạm vi xây dựng bảng giá đất cấp xã                                                         | Bảng tổng hợp | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | + Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại cấp xã                                                                                                             | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành                                                                                                       |               |     |    |            |
|             | + Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh                                                                                                                                          | Bảng tổng hợp | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | + Bảng thống kê giá đất theo loại đất, khu vực, vị trí và các nhóm đất thuộc phạm vi xây dựng bảng giá đất cấp xã                                                         | Bảng tổng hợp | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | + Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành                                                                                                    | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>    | <b>Xây dựng bảng giá đất điều chỉnh</b>                                                                                                                                   |               |     |    |            |
|             | - Bảng giá đất điều chỉnh của một loại đất, một số loại đất hoặc tất cả các loại đất; điều chỉnh giá đất tại một vị trí đất, một số vị trí đất hoặc tất cả các vị trí đất | Bảng giá      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất điều chỉnh                                                                                                                    | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XXII</b> | <b>Điều tra thoái hóa đất cấp tỉnh</b>                                                                                                                                    |               |     |    |            |
| <b>1</b>    | <b>Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa</b>                                                                                       |               |     |    |            |
|             | - Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập                                                                                                                       | Tài liệu      | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo kết quả khảo sát sơ bộ tại thực địa                                                                                                                             | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>    | <b>Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập</b>                                                                                            |               |     |    |            |
|             | - Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ                                                                                                           | Báo cáo       | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>    | <b>Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa</b>                                                                                                                    |               |     |    |            |

|          |                                                                                                                                                                |                                         |     |    |            |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----|----|------------|
|          | - Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ                                                                                                       | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả thống kê số lượng khoan đất và đặc trưng của khoan đất điều tra                                                                                      | Tập biểu                                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa                                                                                                                           | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b> | <b>Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất</b>                                                                                                        |                                         |     |    |            |
|          | - Kiểm tra thực địa                                                                                                                                            |                                         |     |    |            |
|          | + Việc khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra tại thực địa                                             | Khoan đất trên bản đồ điều tra thực địa | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Vị trí điểm điều tra thoái hóa đất tại thực địa                                                                                                              | Điểm                                    | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Ảnh cảnh quan khu vực, điểm điều tra                                                                                                                         | Ảnh                                     | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra                                                                                                          | Bản mô tả                               | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra; xác định vị trí điểm điều tra thoái hóa tại thực địa | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả điều tra các loại hình thoái hóa                                                                                                                     | Bản mô tả                               | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Mẫu đất và Phiếu lấy mẫu đất                                                                                                                                 | Phiếu                                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)                                                        | Bảng                                    | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ kết quả điều tra thực địa                                                                                                                             | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả điều tra thực địa                                                                                                                            | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b> | <b>Tổng hợp xử lý thông tin tài liệu nội và ngoại nghiệp</b>                                                                                                   |                                         |     |    |            |
|          | - Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu                                                                                                                       | Phiếu                                   | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá thoái hóa đất                                                                                             | Bảng biểu                               | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp                                                                                                | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b> | <b>Xây dựng bản đồ thoái hóa đất</b>                                                                                                                           |                                         |     |    |            |
|          | - Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ thoái hóa đất                                                                                                    | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề                                                                                                                  | Lớp thông tin                           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất                                                                                                                      | Lớp thông tin                           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra trong lớp thông tin khoan đất của bản đồ điều tra thực địa                                            | Lớp thông tin                           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ đất bị suy giảm độ phì và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                                                                         | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ đất bị xói mòn và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                                                                                 | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|              |                                                                                                             |                                         |     |    |            |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----|----|------------|
|              |                                                                                                             | minh                                    |     |    |            |
|              | - Bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                   | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                  | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Bản đồ đất bị mặn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                              | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Bản đồ đất bị phèn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                             | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Bản đồ thoái hóa đất và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                               | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Kết quả khoan vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi                                        | Lớp thông tin trên bản đồ thoái hóa đất | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Dữ liệu thoái hóa đất                                                                                     | Bộ dữ liệu                              | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>7</b>     | <b>Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất</b> |                                         |     |    |            |
|              | - Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất                                            | Bảng biểu                               | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|              |                                                                                                             | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|              | - Kết quả xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất                                    | Bảng biểu                               | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|              |                                                                                                             | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|              | - Kết quả đề xuất các biện pháp, giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất                                         | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|              | - Báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất                                                        | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>8</b>     | <b>Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất</b>                                            |                                         |     |    |            |
|              | - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ                                            | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XXIII</b> | <b>Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai cấp tỉnh</b>                                        |                                         |     |    |            |
| <b>1</b>     | <b>Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa</b>                         |                                         |     |    |            |
|              | - Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập                                                         | Tài liệu                                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|              | - Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ                                                                  | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>     | <b>Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập</b>                              |                                         |     |    |            |
|              | - Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ                                             | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>     | <b>Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa</b>                                                      |                                         |     |    |            |
|              | - Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ                                                    | Bản đồ và thuyết minh                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|          |                                                                                                                                          |                                         |     |    |            |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----|----|------------|
|          |                                                                                                                                          | minh                                    |     |    |            |
|          | - Kết quả thống kê số lượng khoan đất và đặc trưng của khoan đất điều tra                                                                | Tập biểu                                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa.                                                                                                    | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b> | <b>Điều tra, lấy mẫu đất</b>                                                                                                             |                                         |     |    |            |
|          | - Kiểm tra thực địa:                                                                                                                     |                                         |     |    |            |
|          | + Việc khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra tại thực địa                       | Khoan đất trên bản đồ điều tra thực địa | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Vị trí điểm điều tra phẫu diện tại thực địa                                                                                            | Điểm                                    | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Ảnh mặt cắt, ảnh cảnh quan khu vực điều tra phẫu diện đất                                                                              | Ảnh                                     | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Thông tin mô tả phẫu diện đất và thông tin về khoan đất điều tra                                                                       | Bản mô tả                               | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả khoan vùng, xác định vị trí khoan đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoan đất điều tra; vị trí điểm điều tra phẫu diện | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả điều tra phẫu diện đất                                                                                                         |                                         |     |    |            |
|          | + Bản mô tả phẫu diện đất                                                                                                                | Bản mô tả                               | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | + Mẫu đất, tiêu bản đất                                                                                                                  | Tiêu bản đất                            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)                                  | Bảng                                    | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ kết quả điều tra thực địa                                                                                                       | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả điều tra, lấy mẫu đất tại thực địa                                                                                     | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b> | <b>Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp</b>                                                                              |                                         |     |    |            |
|          | - Kết quả thống kê danh sách phẫu diện điều tra và mẫu đất                                                                               | Tập biểu                                | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu                                                                                                 | Phiếu                                   | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá chất lượng đất                                                                      | Bảng biểu                               | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá tiềm năng đất đai cho các loại đất hiện trạng và định hướng sử dụng đất             | Bảng biểu                               | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp                                                                          | Báo cáo                                 | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b> | <b>Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai</b>                                                                                 |                                         |     |    |            |
|          | - Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai                                                          | Bản đồ                                  | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề                                                                                            | Lớp thông tin                           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất                                                                                                | Lớp thông tin                           | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ chất lượng đất và báo cáo thuyết minh bản đồ                                                                                    | Bản đồ và thuyết                        | 100 | 20 | Phiếu YKKT |

|             |                                                                                                                     |                                          |     |    |            |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|----|------------|
|             |                                                                                                                     | minh                                     |     |    |            |
|             | - Kết quả khoan vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi                                                | Lớp thông tin trên bản đồ chất lượng đất | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Bản đồ tiềm năng đất đai và báo cáo thuyết minh bản đồ                                                            | Bản đồ và thuyết minh                    | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai                                                                      | Bộ dữ liệu                               | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>7</b>    | <b>Phân tích, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất</b>             |                                          |     |    |            |
|             | - Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá chất lượng đất                                                              | Bảng biểu                                | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             |                                                                                                                     | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai                                                           | Bảng biểu                                | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|             |                                                                                                                     | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kết quả phân tích, đánh giá xu thế biến đổi chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ điều tra trước            | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Kết quả đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất                                                                 | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo chuyên đề đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.                                                     | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>8</b>    | <b>Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai</b>                                |                                          |     |    |            |
|             | - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ                                                    | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>XXIV</b> | <b>Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh</b>                                                                      |                                          |     |    |            |
| <b>1</b>    | <b>Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa</b>                                 |                                          |     |    |            |
|             | - Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập                                                                 | Tài liệu                                 | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ                                                                          | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>2</b>    | <b>Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập</b>                                      |                                          |     |    |            |
|             | - Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ                                                     | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>3</b>    | <b>Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa</b>                                                              |                                          |     |    |            |
|             | - Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ                                                            | Bản đồ và thuyết minh                    | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Kết quả thống kê số lượng khoan đất và đặc trưng của khoan đất điều tra                                           | Tập biểu                                 | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|             | - Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa                                                                                | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>4</b>    | <b>Điều tra, lấy mẫu phục vụ đánh giá ô nhiễm đất</b>                                                               |                                          |     |    |            |
|             | - Kiểm tra thực địa                                                                                                 |                                          |     |    |            |
|             | + Việc khoan vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoan đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm | Khoan đất trên bản đồ điều tra           | 100 | 5  | Phiếu YKKT |

|          |                                                                                                                                                        |                                          |     |    |            |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|----|------------|
|          |                                                                                                                                                        | thực địa                                 |     |    |            |
|          | + Vị trí điểm điều tra, lấy mẫu đất                                                                                                                    | Điểm                                     | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Ảnh cảnh quan khu vực điều tra, điểm lấy mẫu đất                                                                                                     | Ảnh                                      | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | + Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra                                                                                                  | Bản mô tả                                | 100 | 5  | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả khoanh vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoanh đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm                               | Bản đồ                                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả điều tra xác định hướng lan tỏa ô nhiễm; điều tra xác định các yếu tố địa hình, địa vật có khả năng ngăn cản hoặc chặn hướng lan tỏa ô nhiễm | Bản mô tả                                | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Mẫu đất và phiếu lấy mẫu đất                                                                                                                         | Phiếu                                    | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)                                                | Bảng                                     | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ kết quả điều tra thực địa                                                                                                                     | Bản đồ                                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả điều tra thực địa                                                                                                                    | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>5</b> | <b>Tổng hợp xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp</b>                                                                                             |                                          |     |    |            |
|          | - Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu                                                                                                               | Phiếu                                    | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá ô nhiễm đất                                                                                       | Bảng biểu                                | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          |                                                                                                                                                        | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp                                                                                        | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>6</b> | <b>Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm</b>                                                                                                                  |                                          |     |    |            |
|          | - Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ ô nhiễm đất                                                                                              | Bản đồ                                   | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề                                                                                                          | Lớp thông tin                            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất                                                                                                              | Lớp thông tin                            | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Bản đồ đất bị ô nhiễm và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ                                                                                         | Bản đồ và thuyết minh                    | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi                                                                                  | Lớp thông tin trên bản đồ đất bị ô nhiễm | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
|          | - Dữ liệu ô nhiễm đất                                                                                                                                  | Bộ dữ liệu                               | 100 | 20 | Phiếu YKKT |
| <b>7</b> | <b>Phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất</b>                                               |                                          |     |    |            |
|          | - Bảng biểu kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất                                                                                                     | Tập biểu                                 | 100 | 10 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất theo loại đất                                                              | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế, xã hội trong xử lý, cải tạo và phục hồi đất bị ô nhiễm đã thực         | Báo cáo                                  | 100 | 30 | Phiếu YKKT |

|          |                                                                  |         |     |    |            |
|----------|------------------------------------------------------------------|---------|-----|----|------------|
|          | hiện (nếu có)                                                    |         |     |    |            |
|          | - Báo cáo cảnh báo, dự báo nguy cơ ô nhiễm đất.                  | Báo cáo | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
|          | - Báo cáo đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất           | Báo cáo | 100 | 30 | Phiếu YKKT |
| <b>8</b> | <b>Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất</b>   |         |     |    |            |
|          | - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ | Báo cáo | 100 | 30 | Phiếu YKKT |

*(Ghi chú: - Phiếu ghi ý kiến kiểm tra viết tắt là “Phiếu YKKT”; GNSS là hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu; HN-72 là hệ tọa độ Hà Nội năm 1972; VN-2000 là hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000.*

*- Mức kiểm tra tại Phụ lục này là mức tối thiểu; trường hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc hồ sơ nhiệm vụ được phê duyệt quy định mức kiểm tra cao hơn thì thực hiện theo mức cao hơn.).*